**Tiết: 41**

**BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

1. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ cô giao.

- Trách nhiệm: Tự giác trong việc tự học, hoàn thành nhiệm vụ cô giao.

- Trung thực: Chia sẻ chân thật nhiệm vụ học tập của nhóm, cá nhân

2. Năng lực chung:

**- Tự chủ và tự học:** Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

**- Giao tiếp và hợp tác:** Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

**- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

3. Năng lực đặc thù:

**- Giao tiếp toán học:** Thực hiện các phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.

 **- Tư duy và lập luận toán học:** Vận dụng nhân nhẩm, chia nhẩm để tìm các thành phần chưa biết trong phép nhân, phép chia.

**- Giải quyết vấn đề toán học:** Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến phép nhân, phép chia.

\* Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

 **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 3; giáo án điện tử

**2. Học sinh:**

**-** Sách học sinh, vở bài tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5’ | **1. Hoạt động mở đầu: Khởi động**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Truyền điện”.- GV nhận xét.- GV giới thiệu bài. | - HS 1: Nêu 1 phép tính nhân hoặc phép chia đã học và mời bạn trả lời.- HS 2: Trả lời phép tính nhân, chia có kết quả đúng. 🡪 mời HS khác nêu 1 phép tính nhân hoặc phép chia đã học và mời bạn trả lời. |
| 25’ | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới****Hoạt động 1: Luyện tập – thực hành*****Mục tiêu***: Thực hiện các phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.**Bài 1:**- Yêu cầu HS đọc đề.- Yêu cầu HS tính nhẩm cá nhân.\* Lưu ý: + Phép nhân, phép chia dựa vào các bảng nhân, chia đã học kết hợp với tính chất giao hoán của phép nhân.+ Kết quả phép chia ở câu b có thể dựa vào phép nhân tương ứng, không nhất thiết phải thuộc bảng chia.**-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp.**Bài 2:**- Yêu cầu HS đọc đề.- GV hướng dẫn: + Nêu tên gọi của thành phần chưa biết trong các phép tính.**+** Việc tìm thành phần chưa biết có thể dựa vào quy tắc tìm thừa số, số bị chia, số chia và nhân, chia nhẩm hoặc dựa vào tính nhẩm.Ví dụ: a. 3 x ? = 603 nhân với mấy chục thì bằng 6 chục?- Yêu cầu HS tính nhẩm cá nhân.**-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp.**Bài 3:**- Yêu cầu HS đọc đề.- GV hướng dẫn: a) 1 đôi tất: 2 chiếc tất10 đôi tất: ? chiếc tất - Tìm 10 đôi tất có nghĩa là tìm 2 được lấy mấy lần? - Nêu phép tính tìm số chiếc tất của 10 đôi tất?b) 2 chiếc đũa: 1 đôi đũa 10 chiếc đũa: ? đôi đũa→ 10 chiếc đũa chia thành các nhóm, mỗi nhóm 2 chiếc đũa.- Muốn tìm số đôi đũa của 10 chiếc đũa ta làm như thế nào?-Yêu cầu HS làm bài vào vở.**-** Yêu cầu HS trình bày trước lớp. | *-* HS nêu: Tính nhẩm- HS tự nhẩm kết quả.a. 2 x 7 = 14 8 x 5 = 40 3 x 7 = 21 6 x 3 = 18 4 x 9 = 36 9 x 2 = 18 5 x 6 = 30 6 x 4 = 24*b. 24 : 3 = 8 32 : 4 = 8*  24 : 4 = 6 20 : 2 = 10 16 : 2 = 8 45 : 5 = 9 25 : 5 = 5 0 : 3 = 0- Lớp lắng nghe, nhận xét.*-* HS nêu: Tìm số- Thừa số, số bị chia, số chia.3 × 2 chục bằng 6 chục1. 3 × 20 = 60
2. 90 x 5 = 450
3. 1000 : 2 = 500
4. 4 : 1 = 4

- Lớp lắng nghe, nhận xét.2 được lấy 10 lần. 2 × 10 = 20. Ta lấy 10 chiếc đũa chia cho số chiếc đũa của 1 đôi.10 : 2 = 5a. 2 × 10 = 20. Trả lời: 10 đôi tất có 20 chiếc tất.b. 10 : 2 = 5Trả lời: 10 chiếc đũa được 5 đôi đũa.- Lớp lắng nghe, nhận xét. |
| 5’ | **3. Hoạt động củng cố nối tiếp**:- GV tổ chức trò chơi “Ô số kì diệu” ôn lại bảng nhân chia đã học, quy tắc tìm số bị chia, số chia và thừa số.- Dặn dò: Chuẩn bị tiết 2. | - HS chọn ô số bất kì và trả lời yêu cầu trong ô số, trả lời đúng sẽ được 1 phần quà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**